TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2022/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Bích Đào - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Vân Nga

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến– Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 142/2021/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", theo Quyết định mở phiên họp số 03/2022/QĐ-TA ngày 20 tháng 01 năm 2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Chị Phan Thị L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Đ, xã An, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Anh Lê Minh S, sinh năm 1984; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Hiện đang lao động tại Nhật Bản. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và tài sản có tại hồ sơ, anh Lê Minh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị L kết hôn ngày 08/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa hai bên bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến năm 2017, anh Sang xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, vợ chồng không còn liên lạc, không còn tình cảm với nhau và cũng ly thân từ đó

đến nay. Hiện tại, hai bên nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Phan Vân K, sinh ngày 06/3/2014. Hai bên thỏa thuận thống nhất giao con chung cho chị Phan Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, anh S đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nộp tại hồ sơ và ủy quyền việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cũng như các văn bản của Tòa án cho chị Phan Thị L.

Chị Phan Thị L trình bày bằng văn bản có nội dung như trình bày của anh Lê Minh S về quan hệ hôn nhân, con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cũng như không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn với anh Lê Minh S. Ngoài ra, do điều kiện công việc nên chị yêu cầu được xét xử vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết việc ly hôn.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Lê Minh S hiện cư trú tại Nhật Bản, có xác nhận của Cục quản lý xuất nhập cảnh. Chị Phan Thị L có nơi cư trú tại huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Anh Lê Minh S và chị Phan Thị L đều có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ việc. Anh Lê Minh S đã ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Phan Thị L. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh S và chị L theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh S và chị Phan Thị L có đủ các điều kiện kết hôn; thực hiện việc đăng ký kết hôn hợp lệ vào ngày 08 tháng 3 năm 2013 ở xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khẳng định hôn nhân của anh S và chị L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh S, chị L chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa hai bên bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vả, không tôn trọng lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng vì vậy phai nhạt dần. Đến năm 2017, anh S đi xuất khẩu lao động nước ngoài, hai người không còn liên hệ và cũng ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh anh S, chị L đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự cũng đồng thuận đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đối chiếu các quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 việc công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh S và chị Phan Thị L là phù hợp.

[2.1] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Phan Vân K, sinh ngày 06/3/2014. Xét thấy, các đương sự đều có nguyện vọng thống nhất giao con chung cho chị Phan Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Lê Minh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại hồ sơ, cháu Khánh cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng được sống với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của các bên.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điểm b, khoản 1 Điều 37; Điều 39; Điều 149; Các Điều 361, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 55, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 35, 36, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh S và chị Phan Thị L.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung Lê Phan Vân K, sinh ngày 06/3/2014 cho chị Phan Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Lê Minh S không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Phan Thị L (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000064 ngày 27/11/2021 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Bích Đào